

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ  
CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 2
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	3 - 4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 24

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025.

### **THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai, (sau đây được gọi là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1202000192 ngày 18/09/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp. Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi gần nhất số 5300208618, sửa đổi lần thứ 18 ngày 05/6/2020.

### **CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Vũ Đình Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên
Ông Ngô Trường An	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Tùng	Thành viên
Ông Bùi Thanh Bình	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám Đốc**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Nguyễn Đức Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trường An	Phó Tổng giám đốc

#### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Đức Thắng – Tổng Giám đốc.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



**Nguyễn Đức Thắng**

Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 29 tháng 08 năm 2025



Số: 2807/2025/BCSX/IAV

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kết toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Tại ngày 30/06/2025, trong khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" đang ghi nhận khoản tạm ứng cho một số cán bộ, công nhân viên để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh với số tiền 28.000.000.000 VND. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng nêu trên. Mặc dù Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các khoản tạm ứng trên là có khả năng thu hồi và không gây ảnh hưởng đến tổn thất tài sản của công ty. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi cũng không đánh giá được tính hợp lý của số dư các khoản tạm ứng nêu trên cũng như mục đích sử dụng của các khoản tạm ứng này.

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu về cho vay các cá nhân bằng tiền mặt không có tài sản đảm bảo với giá trị tại ngày 30/06/2025 là 40.500.000.000 VND. Theo đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty hay không.



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Chúng tôi chưa nhận được báo cáo tài chính và báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn (Công ty liên kết của Công ty) với giá trị gốc khoản đầu tư này là 24.150.000.000 VND. Các thủ tục thay thế không thực hiện được. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được giá trị thuần và giá trị dự phòng tổn thất khoản đầu tư (nếu có) cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Theo Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty con - Công ty Cổ phần Gia Long – Hòa Bình (“Gia Long”) thì kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến về Báo cáo này do tính chất lan tỏa của các yếu tố từ chối do các vấn đề “Không đánh giá được giá trị thuần khoản Đầu tư Công ty liên kết với giá trị 23,8 tỷ VND, không đánh giá được khả năng thu hồi khoản phải thu về cho vay dài hạn với giá trị 14,6 tỷ VND; không thu thập được hồ sơ khoản tạm ứng với giá trị 32,2 tỷ đồng VND; không thu thập được hồ sơ khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị 6,034 tỷ đồng VND và không đánh giá được giả định hoạt động liên tục”. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến việc hoàn nhập dự phòng này, giá trị thuần của khoản đầu tư, trích lập dự phòng bổ sung do các yếu tố từ chối cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác liên quan đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Tại thời điểm 30/06/2025, Lỗ lũy kế của Công ty là 135.872.115.017 VND, tương ứng 55% vốn chủ sở hữu, Nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị 863.171.180 VND, Khoản vay và nợ thuê tài chính với giá trị 2.230.000.000 VND đã quá hạn thanh toán. Các yếu tố này, cùng với các vấn đề được Công ty trình bày tại Thuyết minh số 2.2, cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về giả định hoạt động liên tục của Công ty được lập phù hợp hay chưa.

### Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này từ chối đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này vào ngày 28 tháng 08 năm 2024.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính riêng này vào ngày 28 tháng 03 năm 2025.



**Đỗ Thị Thanh Huyền**

**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2421-2024-283-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ**

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>31.313.820.914</b>	<b>17.474.699.762</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>325.244.876</b>	<b>102.459.083</b>
1. Tiền	111		325.244.876	102.459.083
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.833.389.989</b>	<b>17.201.987.305</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	4.322.929.106	15.814.755.771
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	513.401.930	492.679.428
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	29.309.941.723	4.207.434.876
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(3.312.882.770)	(3.312.882.770)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>155.186.049</b>	<b>170.253.374</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		155.186.049	170.253.374
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>119.260.775.806</b>	<b>119.049.243.010</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>40.500.000.000</b>	<b>40.500.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	4.8	40.500.000.000	40.500.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	-	-
- Nguyên giá	222		7.798.830.541	7.798.830.541
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.798.830.541)	(7.798.830.541)
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.5</b>	<b>78.760.775.806</b>	<b>78.549.243.010</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		171.000.000.000	171.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24.150.000.000	24.150.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(116.389.224.194)	(116.600.756.990)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>150.574.596.720</b>	<b>136.523.942.772</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>32.176.992.094</b>	<b>18.697.026.094</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>32.176.992.094</b>	<b>18.697.026.094</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	26.705.200.000	13.207.000.000
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.10	431.545.116	431.545.116
3. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	13.940.000	32.174.000
4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.12	2.230.000.000	2.230.000.000
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.796.306.978	2.796.306.978
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>118.397.604.626</b>	<b>117.826.916.678</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.13	<b>118.397.604.626</b>	<b>117.826.916.678</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		246.330.000.000	246.330.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(1.910.000)	(1.910.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.145.322.665	5.145.322.665
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.796.306.978	2.796.306.978
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(135.872.115.017)	(136.442.802.965)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(136.442.802.965)	(138.071.929.580)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		570.687.948	1.629.126.615
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>150.574.596.720</b>	<b>136.523.942.772</b>



Người lập biểu  
Nguyễn Thị Hoa



Phụ trách kế toán  
Nguyễn Thị Hoa





Tổng Giám đốc  
Nguyễn Đức Thắng  
Lào Cai, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 08 năm 2025



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	13.413.352.200	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>13.413.352.200</b>	<b>-</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	13.215.000.000	-
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>198.352.200</b>	<b>-</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	602.515.241	632.928.533
7. Chi phí tài chính	22	5.4	(210.391.656)	(795.465.723)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	440.571.149	512.345.377
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>570.687.948</b>	<b>916.048.879</b>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. <b>Lợi nhuận (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>570.687.948</b>	<b>916.048.879</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>570.687.948</b>	<b>916.048.879</b>

Người lập biểu  
Nguyễn Thị Hoa

Phụ trách kế toán  
Nguyễn Thị Hoa



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Đức Thắng  
Lào Cai, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 08 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025  
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	570.687.948	916.048.879
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Các khoản dự phòng	03	(211.532.796)	(797.257.658)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(602.515.241)	(632.928.533)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(243.360.089)	(514.137.312)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(13.013.828.512)	4.997.850.245
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	13.479.966.000	(834.415.829)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	222.777.399	3.649.297.104
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(14.000.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.394	9.943.279.370
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.394	(4.056.720.630)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	222.785.793	(407.423.526)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	102.459.083	494.386.456
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	325.244.876	86.962.930

Người lập biểu  
Nguyễn Thị Hoa

Phụ trách kế toán  
Nguyễn Thị Hoa

Tổng Giám đốc  
Nguyễn Đức Thắng  
Lào Cai, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 08 năm 2025



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai, (sau đây được gọi là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1202000192 ngày 18/09/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp. Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi gần nhất số 5300208618, sửa đổi lần thứ 18 ngày 05/6/2020.

Địa chỉ của Công ty tại: Số 28B, Đường Phan Đình Giót, Phường Lào Cai, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 11 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 12 người).

#### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng kim loại quý hiếm và kinh doanh thương mại.

#### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

#### **1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong vòng 12 tháng.

#### **1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****1.7 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2025 Công ty có một Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết. Cụ thể như sau:

	<b>Tỷ lệ lợi ích trực tiếp</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình	95%	95%	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>			
Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	35 %	35 %	Hoạt động dịch vụ trồng trọt

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỲ KẾ TOÁN****2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại thời điểm 30/06/2025, Lỗ lũy kế của Công ty là 136.083.647.813 VND, tương ứng 55% vốn chủ sở hữu, Nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị 863.171.180 VND, Khoản vay và nợ thuê tài chính với giá trị 2.230.000.000 VND đã quá hạn thanh toán. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty trong tương lai.

Trong năm hoạt động kinh doanh chính của công ty ở mức cầm chừng, lợi nhuận gộp thấp chưa đủ bù đắp các chi phí quản lý doanh nghiệp. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn đang tìm kiếm các hoạt động kinh doanh mới hiệu quả hơn và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiến hành lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty vẫn được lập trên giả định hoạt động liên tục.

**2.3. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo quy định.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****3.1 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**3.3 Các khoản đầu tư tài chính*****Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết.

***Đầu tư vào Công ty con***

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng Quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong năm là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của Công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

**3.4 Các khoản phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 45
Máy móc, thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị dụng cụ, quản lý	03 - 06

**3.6 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

**3.7 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá).

**3.8 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có danh sách chốt quyền cổ đông nhận cổ tức.

**3.9 Ghi nhận doanh thu và thu nhập*****Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu hoạt động tài chính******Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.10 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**3.11 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo và hoa hồng bán hàng.

**3.12 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

**3.13 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**3.14 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	320.842.932	98.506.932
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.401.944	3.952.151
	<b>325.244.876</b>	<b>102.459.083</b>

**4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Gia Long - Hoà Bình	3.312.882.770	3.312.882.770
Công ty CP KT và TMDV NN An Phát	962.046.335	2.472.333.000
Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành	-	9.981.540.000
Khách hàng khác	48.000.001	48.000.001
	<b>4.322.929.106</b>	<b>15.814.755.771</b>

**4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội	404.700.000	404.700.000
Khách hàng khác	108.701.930	87.979.428
	<b>513.401.930</b>	<b>492.679.428</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	28.000.000.000	-	3.500.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi	1.236.369.858	-	633.863.011	-
Phải thu khác	73.571.865	-	73.571.865	-
	<b>29.309.941.723</b>	<b>-</b>	<b>4.207.434.876</b>	<b>-</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B09a - DN

4.5 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	171.000.000.000	(116.368.489.448)	(*)	(*)
+ Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình	171.000.000.000	(116.368.489.448)	(*)	(*)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	24.150.000.000	(20.734.746)	(*)	(*)
+ Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	24.150.000.000	(20.734.746)	(*)	(*)
	<b>195.150.000.000</b>	<b>(116.389.224.194)</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>

(\*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 30/06/2025. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

Đầu tư vào Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình	Xóm Tân Lập, Xã Tân Vinh, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình	95%	95%	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	Thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	35%	35%	Hoạt động dịch vụ trồng trọt

4.6 Nợ xấu



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B09a - DN

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi.						
Công ty Cổ phần Gia Long Hoà Bình	Trên 3 năm	3.312.882.770	(3.312.882.770)	Trên 3 năm	3.312.882.770	(3.312.882.770)
		3.312.882.770	(3.312.882.770)		3.312.882.770	(3.312.882.770)

4.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Số đầu kỳ	4.225.532.028	2.518.692.880	963.104.633	91.501.000	7.798.830.541
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	4.225.532.028	2.518.692.880	963.104.633	91.501.000	7.798.830.541

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số đầu kỳ	4.225.532.028	2.518.692.880	963.104.633	91.501.000	7.798.830.541
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	4.225.532.028	2.518.692.880	963.104.633	91.501.000	7.798.830.541

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 7.798.830.541 đồng.

**4.8 Phải thu về cho vay dài hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ông Nguyễn Tiến Thịnh	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Nguyễn Tiến Đạt	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Nguyễn Thọ Tiền	6.000.000.000	6.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương	8.000.000.000	8.000.000.000
Bà Hồ Thị Bích Ly	5.500.000.000	5.500.000.000
Bà Trịnh Thị Ngọc Châu	6.000.000.000	6.000.000.000
Bà Trương Thị Thúy Hà	5.000.000.000	5.000.000.000
	<b>40.500.000.000</b>	<b>40.500.000.000</b>

(\*) Phải thu về cho vay các cá nhân với lãi suất 3%/ năm, thời hạn cho vay 24 tháng, không có tài sản đảm bảo, cho vay bằng tiền mặt.

**4.9 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Hợp tác xã Tơ Tằm Sơn Lương	11.337.000.000	11.337.000.000	12.100.000.000	12.100.000.000
Hợp tác xã Môi trường xanh Chấn Thịnh	7.954.000.000	7.954.000.000	988.000.000	988.000.000
Hợp tác xã dâu tằm tơ Duy Thu	7.306.200.000	7.306.200.000	-	-
Khác hàng khác	108.000.000	108.000.000	119.000.000	119.000.000
	<b>26.705.200.000</b>	<b>26.705.200.000</b>	<b>13.207.000.000</b>	<b>13.207.000.000</b>

**4.10 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí kiểm toán	404.700.000	404.700.000
Các khoản khác	26.845.116	26.845.116
	<b>431.545.116</b>	<b>431.545.116</b>

**4.11 Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Bảo hiểm xã hội	13.940.000	32.174.000
	<b>13.940.000</b>	<b>32.174.000</b>



4.12 Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Nam (*)	2.230.000.000	2.230.000.000	-	-	2.230.000.000	2.230.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>2.230.000.000</b>	<b>2.230.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.230.000.000</b>	<b>2.230.000.000</b>

(\*) Hợp đồng vay tiền số 01/HĐV/LCM-BVVN ngày 13/12/2023 giữa Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Nam và Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai. Số tiền vay là 2.230.000.000 đồng, lãi suất 0%, thời hạn vay 6 tháng, mục đích vay để kinh doanh, không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B09a - DN

4.13 Vốn chủ sở hữu

4.13.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(138.071.929.580)	116.197.790.063
Tăng trong năm trước	-	-	-	-	1.629.126.615	1.629.126.615
- Tăng trong năm trước	-	-	-	-	1.629.126.615	1.629.126.615
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(136.442.802.965)	117.826.916.678
Số dư đầu kỳ này	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(136.442.802.965)	117.826.916.678
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	570.687.948	570.687.948
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	570.687.948	570.687.948
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(135.872.115.017)	118.397.604.626



**4.13.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	246.330.000.000	246.330.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	246.330.000.000	246.330.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối</b>	-	-

**4.13.3 Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	246.330.000	246.330.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	246.330.000	246.330.000
+ Cổ phiếu phổ thông	246.330.000	246.330.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	191	191
+ Cổ phiếu phổ thông	191	191
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.632.809	24.632.809
+ Cổ phiếu phổ thông	24.632.809	24.632.809
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**4.13.4 Các quỹ**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.145.322.665	5.145.322.665
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.796.306.978	2.796.306.978
	<b>7.941.629.643</b>	<b>7.941.629.643</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.413.352.200	-
	<b>13.413.352.200</b>	<b>-</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	13.215.000.000	-
	<b>13.215.000.000</b>	<b>-</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	602.515.241	632.928.533
	<b>602.515.241</b>	<b>632.928.533</b>

**5.4 Chi phí tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Hoàn nhập Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(211.532.796)	(797.257.658)
Chi phí tài chính khác	1.141.140	1.791.935
	<b>(210.391.656)</b>	<b>(795.465.723)</b>

**5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	427.896.000	434.188.800
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	75.156.577
Chi phí bằng tiền khác	9.675.149	-
	<b>440.571.149</b>	<b>512.345.377</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

## 5.6 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	570.687.948	916.048.879
Các khoản thu nhập không chịu thuế TNDN	(570.687.948)	(916.048.879)
Chuyển lỗ các năm trước	(570.687.948)	(916.048.879)
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

## 5.7 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	427.896.000	434.188.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.215.000.000	75.156.577
Chi phí bằng tiền khác	12.675.149	19.309.087
	<b>13.655.571.149</b>	<b>528.654.464</b>

## 6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 6.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

## 6.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**Trong kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2025, Công ty có giao dịch với bên liên quan bao gồm:**

Bên liên quan		Mối quan hệ	
Công ty Cổ phần Gia Long Hoà Bình		Công ty con	
Số dư với các bên liên quan			
Bên liên quan	Nội dung	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Gia Long Hoà Bình	Phải thu khách hàng	3.312.882.771	3.312.882.771

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

**6.3. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát***Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau*

	Kỳ trước VND	Kỳ này VND
<b>Thu nhập của các thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Nguyễn Đức Thắng	48.000.000	48.000.000
<b>Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Hoàng Quốc Tùng	30.000.000	30.000.000
	<b>78.000.000</b>	<b>78.000.000</b>

**6.4. Thông tin về bộ phận**

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

**6.5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Người lập biểu  
Nguyễn Thị Hoa

Phụ trách kế toán  
Nguyễn Thị Hoa

Tổng Giám đốc  
Nguyễn Đức Thắng

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2025

